

Số: 93 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 14 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh";

Căn cứ Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng Thẩm định tại Tờ trình số 80/TTr-HĐTĐ ngày 10/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (kể cả Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2024:

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2025; đồng thời, lấy kết quả này làm cơ sở để đánh giá năng lực chỉ đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp và là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng.

2. Giao Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh đánh giá, xếp loại chất lượng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh

Bình Phước và Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban TĐKT tỉnh;
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT, (T04QĐ).



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

Trần Tuệ Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2024
của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 93 /QĐ-UBND*
ngày 14 / 01 / 2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm ĐTXHH	Tổng điểm	Chỉ số (%)
1	Sở Công Thương	74,35	22,84	97,20	97,20
2	Sở Xây dựng	73,22	22,80	96,02	96,02
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	73,51	21,83	95,35	95,35
4	Sở Tư pháp	74,36	20,91	95,27	95,27
5	Sở Nội vụ	74,22	20,99	95,21	95,21
6	Sở Thông tin và Truyền thông	73,18	21,45	94,63	94,63
7	Sở Ngoại vụ	72,62	21,39	94,02	94,02
8	Ban Quản lý Khu kinh tế	72,17	21,59	93,76	93,76
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	71,15	22,06	93,22	93,22
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	71,66	21,17	92,82	92,82
11	Thanh tra tỉnh	71,38	20,99	92,37	92,37
12	Sở Giao thông vận tải	70,46	21,85	92,31	92,31
13	Sở Khoa học và Công nghệ	71,58	19,76	91,34	91,34
14	Văn phòng UBND tỉnh	72,17	18,99	91,16	91,16
15	Sở Tài chính	70,65	20,01	90,66	90,66
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	70,85	19,18	90,03	90,03
17	Sở Y tế	69,33	20,02	89,35	89,35
18	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	69,73	19,56	89,29	89,29
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	72,04	17,06	89,10	89,10
20	Ban Dân tộc	68,52	20,24	88,76	88,76

Phụ lục 2
Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2024
của UBND các huyện, thị xã, thành phố
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 93 /QĐ-UBND*
ngày 14 / 01 /2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm ĐTXHH	Tổng điểm	Chỉ số (%)
1	Thành phố Đồng Xoài	76,20	18,81	95,01	95,01
2	Thị xã Phước Long	75,46	17,96	93,42	93,42
3	Huyện Phú Riềng	74,67	18,68	93,36	93,36
4	Thị xã Bình Long	74,16	18,13	92,29	92,29
5	Huyện Bù Đăng	75,17	14,89	90,06	90,06
6	Huyện Bù Đốp	73,81	15,16	88,97	88,97
7	Huyện Lộc Ninh	72,76	15,32	88,08	88,08
8	Thị xã Chơn Thành	72,04	15,72	87,77	87,77
9	Huyện Đồng Phú	72,14	15,09	87,23	87,23
10	Huyện Bù Gia Mập	70,63	16,28	86,91	86,91
11	Huyện Hớn Quản	69,19	16,90	86,10	86,10